

**Số: 0476/TH-TCHC**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2025

Về việc thông qua chủ trương cho Giám đốc Công ty ký kết Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (tổ chức có 04 đại diện vốn góp tham gia vào Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

- Trụ sở chính: 215 Trần Thủ Độ, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM
- Địa chỉ liên hệ: 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, TP.HCM
- Điện thoại: : (028) 3855 7977 Fax: (028) 3955 7977

**2. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Mười - Giám đốc.**

- Địa chỉ: Chung cư ICON 56 Bến Vân Đồn, Phường 13, Quận 4, TP.HCM.

**3. Loại thông tin công bố:**

- ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☒ Bất thường ☐ Định kỳ

**4. Nội dung thông tin công bố:**

Thực hiện điểm j khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (Công ty) công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua chủ trương cho Giám đốc Công ty ký kết Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (tổ chức có 04 đại diện vốn góp tham gia vào Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa). Địa chỉ đăng tải: thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 11/02/2025 tại đường dẫn: [www.capnuoctanhua.com.vn](http://www.capnuoctanhua.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**Đính kèm:**

- Nghị quyết số 139/NQ-TH-HĐQT ngày 11/02/2025.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



**Nguyễn Mười**

Số: 139/NQ-TH-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc thông qua chủ trương cho Giám đốc Công ty ký kết Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 009/QĐ-TH-HĐQT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 010/QĐ-TH-HĐQT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 11/QĐ-TH-HĐQT ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-TH-HĐQT ngày 02 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với người nội bộ, người có liên quan;

Xét Tờ trình số 0306/TTr-TH- KHĐT ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Giám đốc Công ty về thông qua chủ trương cho ký Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 được ký kết giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (thay thế cho Tờ trình số 0276/TTr-TH- KHĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025);


Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết của Hội đồng quản trị ngày 11/02/2025 về việc kiểm phiếu lấy ý kiến biểu quyết số 141/PYK-TH-HĐQT ngày 07/02/2025 của Hội đồng quản trị,

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất thông qua chủ trương cho Giám đốc Công ty ký kết Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 được ký kết giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên với Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (theo Tờ trình số 0306/TTr-TH- KHĐT ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Giám đốc Công ty).

**Điều 2.** Giám đốc Công ty có trách nhiệm ký kết và triển khai Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025 đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết này đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Trường hợp khi có thay đổi các điều khoản làm ảnh hưởng đến giá trị hợp đồng (nếu có), Giám đốc có trách nhiệm trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua trước khi ký kết hợp đồng, giao dịch.

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các Phòng - Đội liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./. 

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu (VT, HĐQT).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Thị Ngọc Luyến**



Số: 0306.../TTr-TH-KHĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2025

## TỜ TRÌNH

Về thông qua chủ trương cho ký hợp đồng thay ĐHN định kỳ năm 2025 được ký kết giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH và Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (thay thế cho Tờ trình số 0276/TTr-TH-KHĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

Kính gửi: **Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.**

Căn cứ Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Tân Hòa thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1377/QĐ-TCT-KHĐT ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, về việc điều chỉnh đơn giá thay đồng hồ nước 15mm, 25mm áp dụng cho Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (viết tắt Quyết định 1377).

Căn cứ Quyết định số 2561/QĐ-TCT-KHĐT ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, về việc phê duyệt đơn giá công tác kết hợp nâng và thay đồng hồ nước trong bất động sản bị âm sâu áp dụng cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (viết tắt Quyết định 2561).

Căn cứ Quyết định số 2607/QĐ-TCT-KHĐT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, về việc phê duyệt đơn giá gắn mới và thay đồng hồ nước thông minh DN15mm và đơn giá tái lập mặt đường cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (viết tắt Quyết định 2607).

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa sẽ ký kết hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đính kèm dự thảo hợp đồng) nội dung cụ thể như sau:

### I. CÔNG TÁC THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC ĐỊNH KỲ:

#### ✚ Đơn giá đồng hồ nước:

**Mục 2.1.1.1:** Thay ĐHN 15ly không kết hợp nâng do ĐHN bị âm sâu:

Đơn giá bình quân không vượt quá **1.026.864 đồng/ĐHN”.**

- Ghi chú: Đơn giá thay ĐHN 15ly bao gồm :

Chi phí vật tư trước thuế : 703.210 đồng

Chi phí nhân công : 323.654 đồng

Chi phí máy thi công : 0 đồng

**Mục 2.1.1.2:** Thay đồng hồ nước 15 ly kết hợp nâng do đồng hồ nước bị âm sâu trong bất động sản (không có hộp bảo vệ) không vượt giá các mức sau:

- Thay và nâng đồng hồ nước, sử dụng lại van góc liên hợp 25mm x Ø3/4” và van góc Ø3/4” x 25mm: **1.519.291 đồng/DIIN.**



- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
  - Chi phí vật tư trước thuế : 894.176 đồng
  - Chi phí nhân công : 559.159 đồng
  - Chi phí máy thi công : 14.765 đồng
  - Chi phí tái lập :  $204.762 \times 0,25 = 51.191$  đồng
- Thay và nâng đồng hồ nước, cấp mới van góc liên hợp 25mm x Ø3/4'' và van góc Ø3/4'' x 25mm: **1.850.069 đồng/ĐHN.**
- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
  - Chi phí vật tư trước thuế : 1.188.176 đồng
  - Chi phí nhân công : 595.937 đồng
  - Chi phí máy thi công : 14.765 đồng
  - Chi phí tái lập :  $204.762 \times 0,25 = 51.191$  đồng
- Thay và nâng đồng hồ nước, cấp mới van góc 25mm x Ø3/4'' và sử dụng lại van góc liên hợp 25mm x Ø3/4'': **1.672.680 đồng/ĐHN.**
- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
  - Chi phí vật tư trước thuế : 1.029.176 đồng
  - Chi phí nhân công : 577.548 đồng
  - Chi phí máy thi công : 14.765 đồng
  - Chi phí tái lập :  $204.762 \times 0,25 = 51.191$  đồng
- Thay và nâng đồng hồ nước, cấp mới van góc liên hợp 25mm x Ø3/4'' và sử dụng lại van góc Ø3/4'' x 25mm: **1.696.680 đồng/ĐHN.**
- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
  - Chi phí vật tư trước thuế : 1.053.176 đồng
  - Chi phí nhân công : 577.548 đồng
  - Chi phí máy thi công : 14.765 đồng
  - Chi phí tái lập :  $204.762 \times 0,25 = 51.191$  đồng

### **Mục 2.1.1.3: Đơn giá thay đồng hồ nước thông minh DN15mm:**

#### **1. Đồng hồ nước thông minh tiêu chí loại đồng hồ hiệu B-METER gồm các trường hợp sau:**

- Thay ĐHN thông minh 15mm, trường hợp A : **3.458.952 đồng**
- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
  - Chi phí vật tư trước thuế : 3.074.000 đồng
  - Chi phí nhân công : 384.952 đồng
- Thay ĐHN thông minh 15mm, trường hợp B, phui đường nhựa: **4.551.673 đồng**

- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
 

Chi phí vật tư trước thuế	: 3.813.773 đồng
Nước sử dụng công tác lắp ĐHN	: 14.520 đồng
Chi phí nhân công	: 553.231 đồng
Chi phí máy thi công	: 26.965 đồng
Chi phí tái lập	: $715.919 \times 0,2 = 143.184$ đồng
- Thay ĐHN thông minh 15mm, trường hợp B, phui lề gạch terrazzo:

**4.518.309 đồng**

- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
 

Chi phí vật tư trước thuế	: 3.871.591 đồng
Nước sử dụng công tác lắp ĐHN	: 14.520 đồng
Chi phí nhân công	: 538.951 đồng
Chi phí máy thi công	: 25.961 đồng
Chi phí tái lập	: $336.428 \times 0,2 = 67.286$ đồng
- Thay ĐHN thông minh 15mm, trường hợp C, phui đường nhựa: **4.457.180 đồng**

- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
 

Chi phí vật tư trước thuế	: 3.725.873 đồng
Nước sử dụng công tác lắp ĐHN	: 14.520 đồng
Chi phí nhân công	: 546.638 đồng
Chi phí máy thi công	: 26.965 đồng
Chi phí tái lập	: $715.919 \times 0,2 = 143.184$ đồng
- Thay ĐHN thông minh 15mm, trường hợp C, phui lề gạch terrazzo:

**4.423.816 đồng**

- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
 

Chi phí vật tư trước thuế	: 3.783.691 đồng
Nước sử dụng công tác lắp ĐHN	: 14.520 đồng
Chi phí nhân công	: 532.358 đồng
Chi phí máy thi công	: 25.961 đồng
Chi phí tái lập	: $336.428 \times 0,2 = 67.286$ đồng

**2. Đồng hồ nước thông minh tiêu chí loại đồng hồ hiệu GEORGE KENT gồm các trường hợp sau:**

- Thay ĐHN thông minh 15mm, trường hợp A **: 4.931.952 đồng**
- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
  - Chi phí vật tư trước thuế : 4.547.000 đồng
  - Chi phí nhân công : 384.952 đồng
- Thay ĐHN thông minh 15mm, trường hợp B, phui đường nhựa: **6.024.673 đồng**
- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
  - Chi phí vật tư trước thuế : 5.286.773 đồng
  - Nước sử dụng công tác lắp ĐHN : 14.520 đồng
  - Chi phí nhân công : 553.231 đồng
  - Chi phí máy thi công : 26.965 đồng
  - Chi phí tái lập :  $715.919 \times 0,2 = 143.184$  đồng
- Thay ĐHN thông minh 15mm, trường hợp B, phui lề gạch terrazzo: **5.991.309 đồng**
- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
  - Chi phí vật tư trước thuế : 5.344.591 đồng
  - Nước sử dụng công tác lắp ĐHN : 14.520 đồng
  - Chi phí nhân công : 538.951 đồng
  - Chi phí máy thi công : 25.961 đồng
  - Chi phí tái lập :  $336.428 \times 0,2 = 67.286$  đồng
- Thay ĐHN thông minh 15mm, trường hợp C, phui đường nhựa: **5.930.180 đồng**
- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
  - Chi phí vật tư trước thuế : 5.198.873 đồng
  - Nước sử dụng công tác lắp ĐHN : 14.520 đồng
  - Chi phí nhân công : 546.638 đồng
  - Chi phí máy thi công : 26.965 đồng
  - Chi phí tái lập :  $715.919 \times 0,2 = 143.184$  đồng
- Thay ĐHN thông minh 15mm, trường hợp C, phui lề gạch terrazzo: **5.896.816 đồng**
- Ghi chú: Đơn giá bao gồm :
  - Chi phí vật tư trước thuế : 5.256.691 đồng
  - Nước sử dụng công tác lắp ĐHN : 14.520 đồng
  - Chi phí nhân công : 532.358 đồng
  - Chi phí máy thi công : 25.961 đồng



Chi phí tái lập

:  $336.428 \times 0,2 = 67.286$  đồng

**Mục 2.1.2: Đồng hồ nước 25 ly:**

Đơn giá bình quân không vượt quá

**5.744.942 đồng/ĐHN”.**

- Ghi chú: Đơn giá thay ĐHN 25ly bao gồm :

Chi phí vật tư trước thuế : 5.359.990 đồng

Chi phí nhân công : 384.952 đồng

Chi phí máy thi công : 0 đồng

✚ Ghi chú: Các đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

**II. Giá trị thực hiện của hợp đồng thay năm 2024:**

Giá trị quyết toán năm 2024 (đã bao gồm thuế GTGT 8%): của Hợp đồng số 165/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 09 tháng 01 năm 2024.

Quý	Số lượng ĐHN (Cái)	Giá trị (Đồng)	Ghi chú
I	7.931	8.759.434.747	Tổng giá trị thay năm 2024 của ĐHN cỡ nhỏ và cỡ lớn.
II	7.621	8.577.059.851	
III	7.770	8.501.436.521	Đơn giá bình quân năm 2024 là 31.131.928.092 / 27.687 = 1.124.424 đồng
IV	4.365	5.293.996.973	
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.687</b>	<b>31.131.928.092</b>	

**III. Dự kiến giá trị hợp đồng năm 2025:**

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TCT-KHĐT ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ và các Công ty Cổ phần Cấp nước và của Công ty mẹ);

Chỉ tiêu	Số lượng ĐHN (Cái)	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
Thay ĐHN cỡ nhỏ	13.563	1.026.864	13.927.356.432
Thay ĐHN cỡ nhỏ thông minh	4.166	6.024.673	25.098.787.718
Thay ĐHN cỡ lớn	10	80.064.964	800.649.640
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.739</b>		<b>39.826.793.790</b>

**Ghi chú:**

- Đơn giá thay ĐHN cỡ nhỏ được lấy theo giá bình quân thay ĐHN 15 ly không kết hợp nâng do ĐHN bị âm sâu (gần với đơn giá bình quân năm 2024).

2. Đơn giá thay ĐHN thông minh cỡ nhỏ được lấy từ đơn giá cao nhất của hợp đồng (do đây là lần đầu tiên thay ĐHN thông minh).
3. Đơn giá thay ĐHN cỡ lớn được lấy từ đơn giá bình quân trước thuế của thay ĐHN 100 ly năm 2024.
4. Căn cứ bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2024 (chưa được kiểm toán) thì tổng giá trị tài sản là 117.518.412.356 đồng. Giá trị dự kiến thay ĐHN của năm 2025 là 39.826.793.790 đồng. Số tiền trên chưa vượt quá 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

#### **IV. Thời gian thực hiện hợp đồng:**

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày **01 tháng 01 năm 2025** đến hết ngày **31 tháng 12 năm 2025**.

Để các công tác thay đồng hồ nước định kỳ được kịp thời, đảm bảo thực hiện chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông giao, kính trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương để Giám đốc Công ty được ký kết các hợp đồng nêu trên.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Mươi**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DỰ THẢO**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2025*

**HỢP ĐỒNG**

***Thay đồng hồ nước định kỳ năm 2025***

**Số: ...../HD – TCT – KDDVKH.**

*Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*Luật xây dựng của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi Nghị định 37/2015/NĐ-CP về hợp đồng xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính Phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính Phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.*

*Theo Hợp đồng uỷ quyền số 320/HD-TCT-KDDVKH ngày 13 tháng 01 năm 2025;*

*Xét nhu cầu khả năng của hai bên;*



Hôm nay, ngày ..... tháng .... năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN.**

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0301129367, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Do Ông : **ĐẶNG ĐỨC HIỀN** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo giấy Ủy quyền: Số 8198/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên.

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Trụ sở chính : Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 39 555 840 – 38 558 563 Fax: 39 557 977

Tài khoản số : 6220 431101100 192 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0310350068

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0310350068, thay đổi lần thứ 10, ngày 01 tháng 6 năm 2022, nơi cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **NGUYỄN MƯỜI** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng với nội dung sau:

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC.**

**1.1. Nội dung công việc:**

- 1.1.1. Bên A giao và Bên B nhận thực hiện công tác thay đồng hồ nước định kỳ cho các hộ dân hoặc cơ quan trên địa bàn Quận Tân Bình, Quận Tân Phú (ngoại trừ phường Phú Trung) và một phần phường 10, Quận Phú Nhuận theo đúng yêu cầu thiết kế kỹ thuật của ngành cấp nước hiện hành.

1.1.2. Bên B lập kế hoạch thay đồng hồ nước định kỳ; chuẩn bị từ đầu năm về dự trữ số lượng, thực hiện đề trình cho Bên A; phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng liên quan đến nội dung này.

1.1.3. Tất cả đồng hồ nước được thay theo Quy định hiện hành (định kỳ 05 năm) và những trường hợp không do lỗi khách hàng như đồng hồ nước bị ngưng, có dấu hiệu tuột số,.....hoặc bao gồm nâng, dời đồng hồ nước để thuận tiện cho công tác quản lý, đọc số (kể cả trường hợp trở ngại do âm sau, khuất lắp...) thì khách hàng sẽ không phải trả chi phí này.

Ngoài các trường hợp trên, các trường hợp sau đây sẽ do khách hàng tự chịu chi phí thay đồng hồ nước:

- Thay đồng hồ nước do lỗi của khách hàng gây ra như làm hư hỏng, bể mặt kính không đọc được chỉ số,.....
- Thay đồng hồ nước theo yêu cầu của khách hàng như nâng, dời,...

Hàng Quý đơn vị lập danh sách báo cáo cho Bên A.

1.1.4. Đồng hồ nước khi thay phải được dán tem, chứng nhận kiểm định và phải có giấy phê duyệt mẫu của cơ quan có thẩm quyền.

## 1.2. Khối lượng công việc:

1.2.1. Số lượng đồng hồ nước thay định kỳ là số lượng theo kế hoạch năm 2024 của Bên A.

1.2.2. Số lượng đồng hồ nước thay định kỳ của Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm trong năm để phù hợp với tổng số lượng thay thực tế được Bên A chấp nhận và việc điều chỉnh số lượng đồng hồ thay này sẽ được ký Biên bản xác nhận.

1.2.3. Số lượng thay đồng hồ nước định kỳ sẽ được thanh quyết toán theo thực tế hàng Đợt hay hàng Quý.

1.2.4. Tất cả các đồng hồ nước được thay, gỡ về trên mạng lưới phải được thống kê và tái nhập kho của Bên A theo đúng số lượng đã thay.

## ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG.

### 2.1. Đơn giá thay đồng hồ nước định kỳ:

#### 2.1.1. Thay đồng hồ nước 15mm (15ly) :

2.1.1.1. Thay đồng hồ nước 15mm không kết hợp nâng do đồng hồ nước bị âm sâu:  
Đơn giá bình quân không vượt quá: **1.026.864 đồng/ĐHN.**

2.1.1.2. Thay đồng hồ nước 15mm kết hợp nâng do đồng hồ nước bị âm sâu trong bất động sản không vượt giá các mức sau:

- Thay và nâng đồng hồ nước, sử dụng lại van góc liên hợp 25mm x Ø3/4’’ và van góc Ø3/4’’x 25mm: **1.519.291 đồng/ĐHN.**

- Thay và nâng đồng hồ nước, cấp mới van góc liên hợp 25mm x Ø3/4’’ và van góc Ø3/4’’x 25mm: **1.850.069 đồng/ĐHN.**
- Thay và nâng đồng hồ nước, cấp mới van góc 25mm x Ø3/4’’ và sử dụng lại van góc liên hợp 25mm x Ø3/4’’: **1.672.680 đồng/ĐHN.**
- Thay và nâng đồng hồ nước, cấp mới van góc liên hợp 25mm x Ø3/4’’ và sử dụng lại van góc Ø3/4’’x 25mm: **1.696.680 đồng/ĐHN.**

2.1.1.3 Thay đồng hồ nước thông minh DN 15mm gồm các trường hợp sau:

STT	Nội dung	Đơn giá duyệt theo QĐ 2607/QĐ-TCT-KHĐT
<b>A</b>	<b>ĐHN thông minh B-METERS DN15mm</b>	
1	Trường hợp A	3.458.952
2	Trường hợp B - Phui đường nhựa	4.551.673
3	Trường hợp B - Phui lề gạch Terrazzo	4.518.309
4	Trường hợp C - Phui đường nhựa	4.457.180
5	Trường hợp C - Phui lề gạch Terrazzo	4.423.816
<b>B</b>	<b>ĐHN thông minh GEORGE KENT DN15mm</b>	
1	Trường hợp A	4.931.952
2	Trường hợp B - Phui đường nhựa	6.024.673
3	Trường hợp B - Phui lề gạch Terrazzo	5.991.309
4	Trường hợp C - Phui đường nhựa	5.930.180
5	Trường hợp C - Phui lề gạch Terrazzo	5.896.816

2.1.2. Thay đồng hồ nước 25mm (25ly): Đơn giá bình quân không vượt quá **5.744.942 đồng/ĐHN.**

2.1.3. Thay đồng hồ nước lớn hơn 25mm (25 ly): Thanh toán theo chi phí thực tế.

2.2. Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, trường hợp Bên A có lập dự toán đơn giá mới phải được phê duyệt thì đơn giá mới sẽ được áp dụng và được điều chỉnh bằng phụ lục.



### ĐIỀU 3: THANH TOÁN:

3.1. Căn cứ vào hồ sơ từng đợt hay từng quý Bên B gửi (khi tiến hành thanh toán phải bổ sung chứng từ xuất kho chứng minh giá đồng hồ nước thay, hình ảnh hiện trạng đồng hồ nước bị âm sâu trong bất động sản, phân loại cụ thể trường hợp thay ĐHN định kỳ và thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng do bị âm sâu, ...), Bên A sẽ kiểm tra và thanh toán chi phí thay đồng hồ nước định kỳ theo quy trình kiểm tra hồ sơ thanh quyết toán thay đồng hồ nước định kỳ và thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng (ban hành theo Quyết định số 689/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 12 tháng 5 năm 2023) cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản vào thời gian tối đa là 15 ngày làm việc sau khi hoàn tất bộ hồ sơ thanh toán.

3.2. Hàng đợt hay hàng quý, Bên B gửi cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Thông báo số tiền phải thanh toán (Phụ lục 1).
- Hoá đơn tài chính hợp lệ.
- Kế hoạch thực hiện thay đồng hồ nước của đợt hay quý kế tiếp.
- Giấy kiểm định còn hiệu lực và hồ sơ thể hiện đầy đủ số thân đồng hồ trước và sau khi thay đồng hồ nước.

3.2.1. Về thay đồng hồ nước định kỳ:

- Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đồng hồ nước định kỳ theo đợt hay quý (Phụ lục 2).
- Bảng tổng hợp nghiệm thu khối lượng hoàn thành công tác thay đồng hồ nước định kỳ hàng đợt hay quý (Phụ lục 3).
- Bảng tổng hợp quyết toán công tác thay đồng hồ nước định kỳ hàng đợt hay quý (Phụ lục 4).
- Bảng tổng hợp chi phí vật tư công tác thay ĐHN định kỳ của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 5).
- Bảng kê chứng từ phiếu xuất kho công tác thay ĐHN định kỳ của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 6).
- Phiếu xuất kho thực hiện công tác thay ĐHN định kỳ của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 7).
- Bảng tổng hợp chi phí quyết toán công tác thay ĐHN định kỳ từng cỡ của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 8).
- Bảng kê chi phí thay ĐHN định kỳ của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 9).
- Biên bản hoàn công (đơn vị thi công, khách hàng, địa chỉ, ...).

3.2.2. Về thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng (*tương tự thay đồng hồ nước định kỳ*):

- Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đồng hồ nước định kỳ kết hợp nâng theo đợt hay quý (Phụ lục 2).
- Bảng tổng hợp chi phí vật tư công tác thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 5).
- Bảng kê chứng từ phiếu xuất kho công tác thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 6).
- Phiếu xuất kho thực hiện công tác thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 7).
- Bảng kê chi phí thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng của đợt hay quý quyết toán (Phụ lục 9).
- Biên bản hoàn công được ký kết giữa khách hàng và đơn vị thực hiện thay ĐHN định kỳ, phải thể hiện đầy đủ nội dung thay ĐHN định kỳ kết hợp nâng.

3.3 Trong trường hợp Bên A và Bên B có phát sinh công nợ đối với hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước thì hai bên thống nhất tiến hành bù trừ công nợ giữa hợp đồng này với hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước sau khi có *Biên bản đối chiếu số liệu và xác nhận giữa hai bên về việc thanh toán bù trừ công nợ của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ và Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước*.

Biên bản này sẽ làm cơ sở để thanh toán giá trị còn lại (nếu có) của hợp đồng sau khi bù trừ.

#### **ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN.**

##### **4.1. Trách nhiệm của bên A:**

- 4.1.1. Cùng với Bên B giải quyết các trở ngại phát sinh trong quá trình thi công (nếu có).
- 4.1.2. Theo dõi việc tổ chức thi công thay đồng hồ nước định kỳ do Bên B thực hiện, đảm bảo tiến độ kế hoạch.
- 4.1.3. Tổ chức kiểm tra hồ sơ hoàn công quyết toán công tác thay đồng hồ nước định kỳ do Bên B thực hiện.
- 4.1.4. Thanh toán cho bên B theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

##### **4.2. Trách nhiệm của bên B:**

- 4.2.1. Tổ chức thi công đúng chất lượng, đúng thiết kế theo quy định, đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thi công.
- 4.2.2. Sử dụng vật tư chuyên ngành cấp nước và đồng hồ nước đúng quy định.
- 4.2.3. Không được tự ý thu thêm bất cứ một khoản chi phí nào khác của khách hàng.
- 4.2.4. Đảm bảo việc tái lập mặt đường đúng theo quy định hiện hành.
- 4.2.5. Cùng với Bên A giải quyết trở ngại (nếu có).

- 4.2.6. Tổ chức lưu trữ hồ sơ gốc của khách hàng bao gồm cả hồ sơ thay đồng hồ nước định kỳ của khách hàng. Hàng tháng gửi danh sách hồ sơ bảng kê chi tiết thay đồng hồ nước định kỳ cho Bên A bằng file mềm. Hồ sơ chi tiết bao gồm: Dự toán, Bản vẽ hoàn công, Biên bản hoàn công, Bảng quyết toán (không bao gồm phần tái lập).

#### **ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA HAI BÊN.**

- 5.1. Phối hợp giải quyết các phát sinh từ khách hàng và địa phương nếu vụ việc phát sinh vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.
- 5.2. Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

#### **ĐIỀU 6: PHẠT KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG.**

- 6.1. Trong quá trình thi công, nếu Bên B không thực hiện đúng yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng xây lắp theo quy định, hoặc không đảm bảo quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật trong xây dựng sẽ phải chịu bồi thường mọi tổn thất do việc sửa chữa lại (giá trị bồi thường thiệt hại theo thực tế phát sinh) và phải chịu phạt 10% giá trị theo từng đợt thi công bị vi phạm chất lượng.
- 6.2. Trường hợp Bên A chậm thanh toán thù lao theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng mà Bên B có tài khoản.

#### **ĐIỀU 7: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG.**

- 7.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- 7.2. Trước 15 (mười lăm) ngày khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên sẽ cùng nhau thương thảo ký kết hợp đồng mới.

#### **ĐIỀU 8: CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG.**

- 8.1. Việc chấm dứt và thanh lý khi Bên B hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ. Trước 30 (ba mươi) ngày khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng trao đổi ký kết hợp đồng mới nếu bên A tiếp tục có nhu cầu thay đồng hồ nước của bên B.
- 8.2. Trường hợp một trong hai Bên ngưng hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên kia biết trước 60 (sáu mươi) ngày bằng văn bản.

#### **ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.**

- 9.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.



- 9.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 9.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 9.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

## PHỤ LỤC 1: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /TB-.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

### THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN THAY ĐỔI ĐỊNH KỲ QUÝ/ĐỢT ..... NĂM ....

Kính gửi: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV

- Căn cứ Hợp đồng số ..... ngày .....
- Căn cứ Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đổi hồ nước định kỳ Quý/Đợt..... từ ngày ...../...../..... đến ngày...../...../.....

Số tiền mà Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa theo Hợp đồng số .....ngày.....tháng.....năm..... như sau:

#### **1/Đồng hồ nước thay định kỳ:**

- Đồng hồ nước 15ly:
  - \* Số lượng:.....
  - \* Số tiền:.....
- Đồng hồ nước khác (nếu có) :
  - \* Số lượng:.....
  - \* Số tiền:.....

**2/ Tổng số tiền phải thanh toán:** = ..... đồng

**Thuế giá trị gia tăng (10%)** = ..... đồng

**Số tiền thanh toán** = ..... đồng

Đề nghị Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thanh toán số tiền:.....theo như điều.....khoản..... của Hợp đồng số.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
QUÝ IV NĂM 2024  
(Trước kiểm toán)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>110.678.761.120</b>	<b>109.976.156.479</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.400.685.103</b>	<b>420.243.909</b>
1. Tiền	111		2.400.685.103	420 243 909
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>52.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		55 000 000 000	52 000 000 000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32.427.852.985</b>	<b>42.327.184.889</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	28.808.573.661	38 574 015 811
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	302.223.000	72 213 250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	3.317.056.324	3.680.955.828
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>14.246.331.467</b>	<b>14.999.873.704</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	14.246.331.467	14.999.873.704
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>603.891.565</b>	<b>228.853.977</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09a	603.891.565	104 863 636
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	0	123 990 341
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>B. Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>7.050.480.988</b>	<b>8.127.944.293</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>330.000.000</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	330.000.000	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.399.208.196</b>	<b>6.919.646.061</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.7	4.035.897.022	4.750.324.115
- Nguyên giá	222		25.463.992.446	23 706 594 173
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.428.095.424)	(18.956.270.058)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.8	2.363.311.174	2.169.321.946
- Nguyên giá	228		8.894.824.000	7 799 824 000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.531.512.826)	(5.630.502.054)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>321.272.792</b>	<b>1.208.298.232</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09b.1	254.589.296	1.141.614.736
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.6	66.683.496	66.683.496
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>117.729.242.108</b>	<b>118.104.100.772</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>56.059.437.735</b>	<b>57.996.766.192</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>56.059.437.735</b>	<b>57.996.766.192</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	24.556.877.561	31.696.287.368
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	793.777.016	878.277.841
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.416.063.466	4.010.601.853
4. Phải trả người lao động	314	V.14	19.824.258.964	15.883.147.966
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	3.385.603.160	1.931.692.123
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	4.082.857.568	3.596.759.041
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Chi phí phải trả dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>61.669.804.373</b>	<b>60.107.334.580</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>61.669.804.373</b>	<b>60.107.334.580</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	50.000.000.000	50 000 000 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50 000 000 000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		93.553.000	93 553 000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27.200.000)	(27.200.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.058.697.342	1 711 351 778
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.544.754.031	8.329.629.802
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.544.754.031	8.329.629.802
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>117.729.242.108</b>	<b>118.104.100.772</b>

Người lập



Hồ Ngọc Phối

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Tuyền

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2025



Nguyễn Mười